**CSS (Cascading Style Sheets)**

**1.Giới thiệu CSS**

* Định nghĩa cách hiển thị những phần tử HTML, CSS dùng để mô tả định dạng tài liệu.
* Tiết kiệm nhiều công việc định dạng.
* Tất cả các thẻ/thuộc tính định dạng được gỡ ra khỏi trang web và lưu trong file CSS, trang web chỉ còn các thẻ mô tả nội dung tài liệu.
* Chỉ cần thay đổi file CSS thì tất cả trang web có sử dụng file này sẽ được thay đổi theo (thay đổi định dạng, bố cục...)
* CSS3 là chuẩn mới nhất của CSS, tương thích với CSS và đang phát triển.

**2.Cú pháp**

* selector {decleration;...,decleration;}

decleration = property:value;

* selector dùng để chọn một phần tử HTML dựa vào name, id, classes, type, atttibutes, values of attributes,...

**Ví dụ:**

<!DOCTYPE html>

<html>

<head>

<style>

p {color:red; text-align:center; } /\* selector=name \*/

#id1 {text-align:right;color:blue;} /\* selector=id \*/

.c1 {color:yellow;} /\* selector=class \*/

h3.c1 {color:green;} /\* selector=class of element h3 \*/

h1,h2,h3 { text-align:right ;}

</style>

</head>

<body>

<p>su dung name</p>

<p id=”id1”>Su dung id</p>

<p class=”c1”>Su dung class</p>

<h3 class=”c1”>Su dung h3.class</h3>

</body>

</html>

**3.Cách sử dụng CSS**

* **Inline:**
* khai báo thuộc tính style của một phần tử.
* chỉ áp dụng cho phần tử khai báo style

Ví dụ:

<body style="background-color:yellow;">

<p style="background-color:red; text-align:center;"> Paragraph 1</p>

<p style="font-family:arial; color:red; font-size:20px;">Paragraph 2</p>

</body>

* **Internal**:
* Sử dụng thẻ <style> trong phần <head>
* áp dụng cho một trang khai báo style.

Ví dụ:

<!DOCTYPE html>

<html>

<head>

<style>

h1 {

color: blue; font-family: verdana; font-size: 300%;

}

p {

border: 1px solid grey; height:100px;

}

</style>

</head>

<body>

<h1>This is a heading</h1>

<p>This is a paragraph.</p>

</body>

</html>

* **External**:
* Tạo File css
* sử dụng thẻ <link > để liên kết với file CSS.
* áp dụng cho những trang có link đến file CSS

**Ví dụ**:

* **File css (style.css)**

h1 {

color: blue; font-family: verdana; font-size: 300%;

}

p {

border: 1px solid grey; padding: 10px; margin:30px; height:100px;

}

* **Trang web sử dụng file css (style.css)**

<!DOCTYPE html>

<html>

<head>

**<link rel="stylesheet" href="styles.css">**

</head>

<body>

<h1>This is a heading</h1>

<p>This is a paragraph.</p>

</body>

</html>

**Chú ý:**

* Độ ưu tiên theo thứ tự sau: Inline, Internal, External, Browser default.
* File CSS cung cấp miễn phí: href=<http://www.w3schools.com/lib/w3.css>.

**4.Thuộc tính id và class**

* **Id dùng để định kiểu cho một phần tử**

Ví dụ:

<!DOCTYPE html>

<html>

<head>

<style>

`

p#id1 {

color: blue;

}

</style>

</head>

<body>

<p>This is a paragraph.</p>

<p>This is a paragraph.</p>

<p>This is a paragraph.</p>

<p id="id1">I am different.</p>

</body>

</html>

* **class dùng để định kiểu cho nhiều phần tử**

Ví dụ:

<!DOCTYPE html>

<html>

<head>

<style>

p.intro {

background-color:black;

color:white;

border:1px solid grey;

padding:10px;

margin:30px;

font-size:150%;

}

</style>

</head>

<body>

<h1>This is a heading</h1>

<p class="intro">This is a paragraph.</p>

<p class="intro">This is a paragraph.</p>

<p class="intro">This is a paragraph.</p>

</body>

</html>